BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Quản lý công **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**33**						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng(*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất(*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**19**						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			**17**						
14	PM4500	Nhập môn ngành Quản lý công	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
18	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					3
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		4
5.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 2 tín chỉ)			**2**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					1
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
25	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					1
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**102**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**						
26	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					1
27	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					2
28	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		3
29	EC4003	Luật kinh tế	2	30					5
30	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30			EC5001		5
II. Kiến thức cơ sở ngành			**20**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**18**						
31	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					1
32	EC4005	Marketing căn bản	3	45					3
33	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				3
34	EC4009	Quản trị học	3	45					4
35	EC4010	Toán kinh tế	3	45			EC4002		4
36	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					4
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
37	PM4001	Kinh tế quốc tế	2	30					4
38	PM4002	Kinh tế phát triển	2	30					4
39	EC4135N	Thị trường tài chính	2	30			EC4004		4
III. Kiến thức chuyên ngành			**43**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**34**						
40	EC4207N	Hành vi tổ chức	2	30					4
41	PM4003N	Quản trị địa phương	3	45			EC4009		5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
42	EC4212	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45			EC4006		5
43	EC4109	Quản trị tài chính	3	45			EC4004		5
44	PM4007	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	1		15				5
45	EC4239	Tài chính công	3	45			EC4004 EC4002		5
46	IB4018	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	2	30					6
47	PM4005	Quản trị dự án đầu tư	3	45					6
48	EC4248N	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30			EC4009		6
49	EC4230	Quản trị hành chính văn phòng	3	45			PM4007		6
50	EC4106	Quản trị nhân lực	3	45			EC4009		7
51	PM4004	Hoạch định chính sách công	3	45			EC4002		7
52	LA4056	Luật khiếu nại, tố cáo	3	45					7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**9**						
3.2.1 Nhóm 1 (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
53	EC4218N	Kỹ thuật đàm phán	2	30					6
54	PM4009	Kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định quản lý	2	30					6
55	PM4010	Tổ chức sự kiện	2	30					6
56	PM4011	Quan hệ công chúng	2	30			EC4005		6
3.2.2 Nhóm 2 (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
57	PM4016	Kế toán ngân sách nhà nước và kho bạc	3	45			EC4006		6
58	PM4017	Kế toán quản trị khu vực công	3	45			EC4006		6
59	PM4018	Quản lý tài sản công	3	45					6
60	PM4019	Thuế và quản lý thuế	3	45					6
3.2.3 Nhóm 3 (chọn 3 tín chỉ)			**3**						
61	PM4012	Luật đầu tư công	2	30			EC4003		7
62	LA4057	Luật ngân sách nhà nước	2	30					7
63	PM4013	Marketing dịch vụ công	2	30			EC4005		7
64	PM4014	Marketing địa phương	2	30			EC4005		7
3.2.4 Nhóm 4 (chọn 2 tín chỉ)			**2**						
65	PM4020	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	30					7
66	PM4021	Quản lý nhà nước về y tế	2	30					7
67	PM4022	Quản lý nhà nước về đất đai	2	30					7
68	PM4023	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	2	30					7
IV. Khối kiến thức bổ trợ			**6**						
69	EC4281	Khởi nghiệp	3	45			EC4005		8
70	EC4346	Kỹ năng làm việc hiệu quả trong doanh nghiệp	3	45					7
V. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			**15**						
71	PM4401	Thực tế nghề nghiệp	3	45					4
72	EC4163	Ứng dụng phần mềm phân tích định lượng trong kinh tế	3	30	30		EC4008		6
73	PM4491N	Thực tập cơ sở	3		180				7
74	PM4407N	Thực tập tốt nghiệp	6		240		PM4491		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			**6**						
75	PM4299	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				8
6.2. Học phần thay thế khóa luận			**6**						
76	PM4025	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý công	3	45					8
77	PM4026	Quản lý đổi mới và sáng tạo	3	45					8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	66%	34%				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			103						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			18						